

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  
VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 486/2003/QĐ-NHNN

Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2003

**QUYẾT ĐỊNH CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**  
**Về việc ban hành Quy chế kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ**  
**Ngân hàng Nhà nước**

**THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**

- Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12/12/1997;
- Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, Cơ quan ngang Bộ;
- Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổng kiểm soát,

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này " Quy chế kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ Ngân hàng Nhà nước".

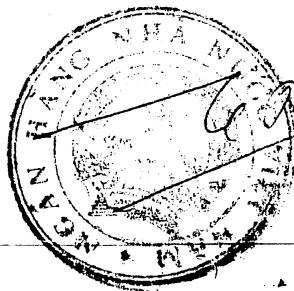
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 93/1999/QĐ-NHNN4 ngày 20/03/1999 "ban hành Quy chế kiểm soát và kiểm toán nội bộ Ngân hàng Nhà nước".

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổng kiểm soát, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Bộ Tư pháp;
- VPCP, Công báo;
- Lưu VP, TKS, PC.

**THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**



LÊ ĐỨC THÚY

# **QUY CHẾ KIỂM SOÁT NỘI BỘ, KIỂM TOÁN NỘI BỘ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 126/2003/QĐ-NHNN ngày 19 tháng 5 năm 2003  
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)*

## **CHƯƠNG I- NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng:**

Quy chế này quy định việc tổ chức thực hiện công tác kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước.

### **Điều 2. Trong Quy chế này, các cụm từ dưới đây được hiểu như sau:**

1- Đơn vị là các Vụ, Cục, Sở Giao dịch, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước, đơn vị sự nghiệp và Văn phòng đại diện Ngân hàng Nhà nước.

2- Kiểm soát nội bộ Ngân hàng Nhà nước (gọi tắt là kiểm soát nội bộ) là việc các cá nhân hoặc Bộ phận kiểm soát chuyên trách tại đơn vị kiểm tra việc thực hiện công việc của từng cá nhân, đơn vị nhằm đảm bảo an toàn tài sản, thực hiện có hiệu quả các mục tiêu đề ra trong từng đơn vị.

3- Kiểm toán nội bộ Ngân hàng Nhà nước (gọi tắt là kiểm toán nội bộ) là việc xem xét, đánh giá một cách độc lập tính đầy đủ, hiệu quả của hệ thống Kiểm soát nội bộ; tính trung thực, chính xác, đầy đủ của các thông tin trên báo cáo tài chính, báo cáo nghiệp vụ Ngân hàng Nhà nước và chất lượng thực hiện nhiệm vụ được giao của các đơn vị.

4- Nguyên tắc kiểm soát kép: là yêu cầu trong việc phân công nhiệm vụ tại đơn vị, có ít nhất hai người thực hiện và kiểm tra đối với một công việc, đảm bảo an toàn tài sản và hiệu quả công tác.

### **Điều 3. Mục tiêu kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ.**

1- Đảm bảo các đơn vị tuân thủ chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy chế và quy trình nghiệp vụ của Ngân hàng Nhà nước, ngăn ngừa những hiện tượng vi phạm hoặc không tuân thủ pháp luật, quy trình nghiệp vụ dẫn đến rủi ro trong hoạt động.

2- Đảm bảo hoạt động của từng đơn vị được triển khai đúng định hướng, các biện pháp tổ chức thực hiện nhiệm vụ có hiệu lực và hiệu quả.

3- Xác định, đánh giá tính chính xác, đầy đủ, hợp lý của các thông tin trên báo cáo tài chính và báo cáo nghiệp vụ của các đơn vị.

4- Bảo vệ an toàn tài sản và uy tín của Ngân hàng Nhà nước.

5- Kiến nghị với Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong việc sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các cơ chế, quy chế nhằm tăng cường biện pháp đảm bảo an toàn tài sản, tăng hiệu quả hoạt động.

## CHƯƠNG II-KIỂM SOÁT NỘI BỘ

**Điều 4.** Kiểm soát nội bộ phải được tổ chức thực hiện thường xuyên, liên tục trong từng công việc của cá nhân, phòng, ban và cán bộ lãnh đạo tại mỗi đơn vị.

**Điều 5.** Thủ trưởng đơn vị căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao để tổ chức kiểm soát nội bộ đầy đủ, có hiệu quả; chịu trách nhiệm trước Thống đốc về chất lượng hoạt động kiểm soát nội bộ tại đơn vị.

**Điều 6.** Nội dung hoạt động kiểm soát nội bộ

1- Ban hành quy chế làm việc của lãnh đạo đơn vị, quy định cụ thể quyền hạn, trách nhiệm của từng cán bộ lãnh đạo trong điều hành và xử lý công việc. Thủ trưởng đơn vị thực hiện uỷ quyền và phân cấp trách nhiệm duy trì công tác kiểm soát nội bộ cho từng phòng, ban trong đơn vị, nhằm kiểm soát toàn diện hoạt động của đơn vị.

2- Phổ biến thường xuyên, kịp thời, đầy đủ các văn bản chế độ của Nhà nước liên quan đến hoạt động Ngân hàng, cơ chế, quy chế và quy trình nghiệp vụ của Ngân hàng Nhà nước đến tất cả cán bộ, nhân viên trong đơn vị.

3- Phân công nhiệm vụ và trách nhiệm của các phòng ban, cá nhân trong đơn vị dựa trên nguyên tắc kiểm soát kép, đảm bảo mọi công việc đều có người thực hiện và người kiểm tra lại. Mỗi cá nhân, phòng ban đều phải tự kiểm soát và tự chịu trách nhiệm về công việc được giao, đảm bảo hiệu quả công việc, tuân thủ pháp luật, quy chế và quy trình nghiệp vụ.

4- Lãnh đạo từng cấp của đơn vị phải đánh giá mức độ rủi ro của từng nghiệp vụ để đề ra các biện pháp kiểm soát phù hợp: giám sát, kiểm soát trước, kiểm soát sau, kiểm soát đột xuất.

5- Quy định cụ thể chế độ thông tin báo cáo nội bộ, chế độ dân chủ và chế độ công khai tài chính trong đơn vị.

**Điều 7.** Phòng (Bộ phận) kiểm soát nội bộ (tại các đơn vị có tổ chức Phòng hoặc Bộ phận kiểm soát nội bộ riêng) chịu sự quản lý trực tiếp của thủ trưởng đơn vị, giúp thủ trưởng đơn vị tổ chức và thực hiện việc kiểm soát nội bộ trên mọi lĩnh vực hoạt động của đơn vị; chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Vụ Tổng kiểm soát về quy trình, phương pháp kiểm soát.

**Điều 8.** Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm tạo điều kiện cho Kiểm soát viên tại đơn vị có vai trò độc lập tương đối khi thực hiện nhiệm vụ kiểm soát.

### **CHƯƠNG III- KIỂM TOÁN NỘI BỘ**

**Điều 9.** Vụ Tổng kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, chịu trách nhiệm trước Thống đốc về những kết luận và kiến nghị nêu trong báo cáo kiểm toán nội bộ.

**Điều 10.** Nguyên tắc kiểm toán nội bộ

1- Tuân thủ pháp luật, quy chế, quy trình nghiệp vụ và nội dung chương trình kiểm toán đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt.

2- Đảm bảo tính độc lập, trung thực, khách quan và giữ bí mật Nhà nước, bí mật của đơn vị được kiểm toán.

3- Không gây cản trở hoạt động và can thiệp vào công việc điều hành của đơn vị được kiểm toán.

**Điều 11.** Phạm vi kiểm toán nội bộ

1- Kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng Nhà nước.

2- Kiểm toán tuân thủ đối với các đơn vị.

3- Kiểm toán hoạt động, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị nhằm đạt mục tiêu chung của Ngân hàng Nhà nước.

**Điều 12.** Kiểm toán báo cáo tài chính

Kiểm toán báo cáo tài chính là việc các Kiểm soát viên Ngân hàng Nhà nước tiến hành xem xét, đánh giá một cách độc lập báo cáo tài chính và các thông tin liên quan đến báo cáo tài chính của Ngân hàng Nhà nước để xác nhận tính chính xác, tính trung thực, tính đầy đủ, hợp lý và phù hợp với các nguyên tắc, chế độ hạch toán kế toán, quản lý tài chính, xây dựng cơ bản hiện hành của Nhà nước và của Ngân hàng Nhà nước.

### **Điều 13. Kiểm toán tuân thủ**

Kiểm toán tuân thủ là việc các Kiểm soát viên Ngân hàng Nhà nước căn cứ vào các quy định hiện hành của Nhà nước, của Ngân hàng Nhà nước và tình hình thực hiện của đơn vị để xem xét, đánh giá tính tuân thủ pháp luật, quy chế, cơ chế và quy trình nghiệp vụ của đơn vị được kiểm toán nhằm phát hiện sự vi phạm quy định, sai phạm trong điều hành, quản lý, ngăn chặn rủi ro trong hoạt động Ngân hàng.

### **Điều 14. Kiểm toán hoạt động**

Kiểm toán hoạt động là việc các Kiểm soát viên Ngân hàng Nhà nước căn cứ vào hồ sơ, tài liệu tiến hành xem xét, đánh giá một cách độc lập việc triển khai thực hiện nhiệm vụ của một đơn vị trên các mặt: tổ chức, quản lý, điều hành, sử dụng các nguồn lực và biện pháp hành chính, kỹ thuật nghiệp vụ để hoàn thành mục tiêu, qua đó đánh giá tính hiệu lực và hiệu quả hoạt động của đơn vị đó.

### **Điều 15. Trách nhiệm, quyền hạn của Trưởng đoàn kiểm toán nội bộ**

1- Trưởng đoàn kiểm toán có trách nhiệm chỉ đạo điều hành công việc chung của Đoàn, đảm bảo hoàn thành kế hoạch kiểm toán.

2- Yêu cầu đơn vị được kiểm toán và các đơn vị liên quan cung cấp hồ sơ, tài liệu, thông tin thuộc phạm vi đợt kiểm toán.

3- Xử lý kịp thời những vướng mắc với đơn vị được kiểm toán trong quá trình kiểm toán, trong phạm vi thẩm quyền và báo cáo ngay cho Lãnh đạo Vụ Tổng kiểm soát những vấn đề nghiêm trọng.

4- Tổng hợp, lập báo cáo kiểm toán và thông qua báo cáo kiểm toán tại đơn vị được kiểm toán; chịu trách nhiệm trước Thống đốc và Vụ trưởng Vụ Tổng kiểm soát về kết luận kiểm toán của đoàn; tập hợp và lưu giữ hồ sơ kiểm toán.

### **Điều 16. Trách nhiệm, quyền hạn của các đơn vị được kiểm toán nội bộ.**

1- Chấp hành quyết định kiểm toán nội bộ.

2- Cung cấp đầy đủ thông tin, hồ sơ tài liệu và phương tiện phục vụ cuộc kiểm toán nội bộ.

3- Chịu trách nhiệm về tính trung thực, đầy đủ, chính xác của mọi tài liệu đã cung cấp cho Đoàn kiểm toán nội bộ.

4- Được quyền giải trình, báo cáo với Đoàn kiểm toán về kết luận của Đoàn kiểm toán hoặc bảo lưu ý kiến trình cấp có thẩm quyền nếu không thống nhất với Đoàn kiểm toán.

5- Tổ chức thực hiện các kiến nghị và báo cáo tình hình thực hiện các kết luận, kiến nghị của Đoàn kiểm toán bằng văn bản cho Thống đốc qua Vụ Tổng kiểm soát.

**Điều 17.** Trách nhiệm và quyền hạn của Vụ trưởng Vụ Tổng kiểm soát Ngân hàng Nhà nước:

1- Ban hành hoặc trình Thống đốc ban hành các quy trình về kiểm toán nội bộ Ngân hàng Nhà nước.

2- Xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm toán nội bộ trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt.

3- Được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước uỷ quyền ký Quyết định thành lập các đoàn kiểm toán nội bộ theo kế hoạch đã được Thống đốc phê duyệt, trừ các đoàn kiểm toán tại các Vụ, Cục Ngân hàng Trung ương.

4- Thực hiện các nhiệm vụ khác quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của Vụ Tổng kiểm soát.

#### CHƯƠNG IV- ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 18.** Vụ trưởng Vụ Tổng kiểm soát Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn cụ thể việc thực hiện Quy chế này.

**Điều 19.** Việc bổ sung, sửa đổi Quy chế này do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định.

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC



LÊ ĐỨC THÚY